

TỪ ĐIỂN TRUYỆN KIỀU - CUỐN TỪ ĐIỂN KHAI MỞ CHO LOẠI HÌNH BIÊN SOẠN TỪ ĐIỂN TÁC GIẢ Ở VIỆT NAM

DICTIONARY OF TRUYỆN KIỀU - THE FIRST MONUMENT FOR COMPILING THE GENRE OF WRITER DICTIONARIES IN VIETNAM

Phạm Hùng Việt^{1,*}

DOI: <http://doi.org/10.57001/huiv5804.2024.414>

TÓM TẮT

Vận dụng lý thuyết từ điển học, bài báo tập trung vào phân tích cách xây dựng bảng từ (cấu trúc vi mô) và những thông tin được trình bày trong mỗi mục từ (cấu trúc vĩ mô) của Từ điển Truyện Kiều - công trình rất có giá trị do học giả Đào Duy Anh biên soạn. Cuốn từ điển này không chỉ là một công trình tra cứu quý giá về Truyện Kiều mà còn là cuốn từ điển đầu tiên về loại hình từ điển tác giả, mở ra một hướng biên soạn mới cho việc biên soạn từ điển ở Việt Nam.

Từ khóa: Từ điển học, từ điển tác giả, từ điển truyện Kiều, Đào Duy Anh.

ABSTRACT

Applying lexicographical theory, this article focuses on analyzing the construction of the word list (macrostructure) and the information presented in each entry (microstructure) of the Dictionary of Truyện Kiều - a very valuable work compiled by the scholar Dao Duy Anh. This dictionary is not only a valuable reference work on Truyện Kiều but also the first dictionary of the author-dictionary type, paving the way for a new direction in dictionary compilation in Vietnam.

Keywords: Lexicography, author-dictionary, Dictionary of Truyện Kiều, Dao Duy Anh.

¹Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam

*Email: vietpham1504@gmail.com

Ngày nhận bài: 08/9/2024

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 25/10/2024

Ngày chấp nhận đăng: 26/12/2024

1. MỞ ĐẦU

Đào Duy Anh là học giả có nhiều đóng góp trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học xã hội ở nước ta, trong đó, lĩnh vực từ điển học là một điểm sáng. Ông quan tâm đến lĩnh vực từ điển học từ rất sớm, ngay trong những buổi ban đầu đi vào hành trình nghiên cứu khoa học của mình.

Ông đã hoàn thành và xuất bản nhiều bộ từ điển quan trọng như: *Hán - Việt từ điển* (1932), *Pháp - Việt từ điển* (1936). Những cuốn từ điển này không chỉ là công cụ tra cứu cần thiết ở cả thời điểm khi mới ra đời cho đến ngày nay, mà còn chứa đựng trong đó những giải thích khoa học và phản ánh những quan điểm và trào lưu tư tưởng hiện đại. Trong số các quyển từ điển của ông, *Từ điển Truyện Kiều* (TĐTK) là cuốn từ điển rất công phu, ra đời từ sự kết hợp giữa việc nghiên cứu văn học và từ điển học. Bản thảo, như ông viết trong Lời đầu sách "xong tháng 11 năm 1965, nhân kỷ niệm 200 năm ngày sinh Nguyễn Du" [1] nhưng mãi đến năm 1974 mới được in ra. Cuốn từ điển này không chỉ là một tài liệu tra cứu thông thường mà còn là một công cụ quý giá giúp độc giả hiểu sâu hơn về tác phẩm văn học kinh điển của Nguyễn Du - Truyện Kiều. Từ điển này giúp giải thích các từ ngữ và thành ngữ có trong Truyện Kiều, đồng thời cung cấp các ví dụ và ngữ cảnh để độc giả hiểu rõ hơn về ý nghĩa và cách sử dụng của chúng.

Đã có khá nhiều bài viết, công trình nghiên cứu về hai cuốn từ điển xuất sắc, rất quan trọng của Đào Duy Anh là *Hán - Việt từ điển* và *Pháp - Việt từ điển*. Trong khuôn khổ bài báo này, tác giả đi sâu vào giới thiệu những đặc điểm cơ bản của TĐTK - Một công trình rất có giá trị của ông nhưng còn ít được giới nghiên cứu quan tâm.

2. PHÂN TÍCH TỪ ĐIỂN TRUYỆN KIỀU DƯỚI GÓC ĐỘ TỪ ĐIỂN HỌC

2.1. Về loại hình từ điển của Từ điển Truyện Kiều

Trước hết, có thể khẳng định đây là cuốn từ điển đầu tiên thuộc loại hình Từ điển tác giả (Từ điển ngôn ngữ tác giả) ở nước ta. Từ điển tác giả - author's dictionary: "Một loại tài liệu tham khảo cung cấp thông tin về vốn từ vựng của một tác giả cụ thể. Tài liệu này thường dựa trên tập hợp văn bản (corpus) của một hoặc nhiều tác phẩm của tác giả, thường được trình bày theo thứ tự bảng chữ cái,

với các ví dụ hoặc ngữ cảnh (nhưng không có định nghĩa) của các từ được trích dẫn" [5]. Trên thế giới, đã có một số cuốn từ điển rất nổi tiếng thuộc loại hình từ điển này, chẳng hạn như cuốn *Từ điển Shakespeare* của Alexander Schmidt thường được biết đến với tên "Shakespeare-Lexicon" hoặc "Shakespeare Lexicon and Quotation Dictionary", được xuất bản lần đầu vào năm 1902; cuốn *Từ điển Puskin* của Vinogradov, xuất bản năm 1956 hay cuốn *Thi kinh từ điển* của Hường Hy, xuất bản lần đầu vào năm 1915. Tuy nhiên, ở Việt Nam, trước cuốn TĐTK của Đào Duy Anh, chưa có cuốn từ điển nào thuộc loại hình từ điển này. Vì vậy, có thể khẳng định sự ra đời của TĐTK đã mở ra một lĩnh vực biên soạn loại hình từ điển mới ở Việt Nam: Từ điển tác giả.

2.2. Về cấu trúc bảng từ (hay còn gọi là cấu trúc vĩ mô - macrostructure) của Từ điển Truyện Kiều

Theo thống kê của chúng tôi, quyển từ điển này có tổng số 2321 đơn vị mục từ, trong đó từ đầu mục hầu hết là các từ đơn, tuy nhiên cũng có một số ít từ ghép hoặc cụm từ, thành ngữ được lấy làm từ đầu mục, ví dụ các từ đầu mục: *Bốc rời, Bơm già, Cải nhiệm, Cập sách, Càn đai, Chấn gối, Chính danh, Ngói tan, Ngô Lào, Cuội cung mây, Bĩ sắc tư phong, Bình nguyên quân, Quan âm các, Nạp thái vu quy, Tề chỉnh uy nghi, Tú khẩu ngậm tâm, Tư mã phượng cầu, Thường tướng khao binh,...* Các từ ghép, cụm từ và thành ngữ này là những đơn vị chỉ xuất hiện một lần trong Truyện Kiều và không thuộc vào một từ đơn nào trong số các từ được đưa làm từ đầu mục. Đây là lí do để tác giả xếp các cụm từ và thành ngữ nêu trên thành một mục từ riêng trong từ điển, khác với cách sắp xếp các cụm từ và thành ngữ để ở trong từ đầu mục như nêu ở phần dưới.

2.3. Về cấu trúc mục từ (hay còn gọi là cấu trúc vi mô - microstructure) của Từ điển Truyện Kiều

Từ điển Truyện Kiều hàm chứa một lượng thông tin rất phong phú. 11 loại thông tin sau được đưa vào cấu trúc mục từ gồm:

- 1 - Thông tin về từ đầu mục;
- 2 - Thông tin về số lần xuất hiện của từ đầu mục đó trong Truyện Kiều (đặt trong ngoặc đơn);
- 3 - Thông tin về đa nghĩa và số thứ tự nghĩa của từ đầu mục (đối với các từ đầu mục là từ đa nghĩa, mỗi nghĩa được phân biệt với nhau bằng chữ số Ả rập: 1, 2, 3, ...);
- 4 - Thông tin về lời định nghĩa của từng nghĩa đối với từ đầu mục là từ đa nghĩa;
- 5 - Thông tin về số lần xuất hiện của từng nghĩa;
- 6 - Thông tin về câu ví dụ trích trong Truyện Kiều của từng nghĩa;

7 - Thông tin về số thứ tự của câu thơ trong truyện có chứa từ đầu mục ở từng nghĩa;

8 - Thông tin về các tổ hợp của từ và các cụm từ cố định, các thành ngữ trong đó có từ đầu mục đứng ở đầu (đặt sau kí hiệu -//, in đậm);

9 - Thông tin về số lần xuất hiện của cụm từ hoặc thành ngữ đó trong Truyện Kiều;

10 - Thông tin về lời giải thích cho cụm từ hoặc thành ngữ;

11 - Thông tin về số thứ tự của câu thơ trong truyện có chứa cụm từ hoặc thành ngữ;

Ở dạng phong phú nhất, một từ đầu mục hàm chứa 11 loại thông tin như nêu ở trên.

Chẳng hạn, phân tích cụ thể cấu trúc mục từ của từ MỘT trong TĐTK, ta có thể biết được những điều sau qua các thông tin hàm chứa trong mục từ này:

- Đây là từ có số lần xuất hiện rất nhiều trong TĐTK: 307 lần; cũng là từ có số lần xuất hiện cao nhất trong số 2321 từ được đưa vào làm từ đầu mục. Các từ có số lần xuất hiện cao tiếp theo là ĐÁ: 265 lần, NGƯỜI: 214 lần, NÀNG: 199 lần, NÀY: 195 lần, CŨNG: 181 lần, LỜI: 167 lần, LÒNG: 162 lần, RẰNG: 160 lần,...

- Đây là một từ đa nghĩa, gồm 6 nghĩa được sử dụng trong Truyện Kiều.

+ Nghĩa thứ nhất: Là con số, với 196 lần xuất hiện, ví dụ như: *Trải qua một cuộc bể dâu/ Một trai con thứ rất lòng,...*; mục từ này cũng cho thấy được số thứ tự của 196 câu thơ có chứa từ MỘT với nghĩa này trong Truyện Kiều; chẳng hạn các câu số 3, 27, 28, 32, 34, 42, 78,...

+ Nghĩa thứ hai: Nghĩa như cũng một, 8 lần xuất hiện, ví dụ như: *Cũng người một hội một thuyền đầu xa*; mục từ này cũng cho thấy được số thứ tự của 8 câu thơ có chứa từ MỘT với nghĩa này trong Truyện Kiều; chẳng hạn các câu số 202, 812, 1381,...

+ Nghĩa thứ ba: Có nghĩa như phải cho được. Nghĩa này chỉ xuất hiện một lần ở câu thơ 2818: *Còn tôi tôi một gặp nàng mới thôi*.

+ Nghĩa thứ tư: Có nghĩa như cả, ví dụ: *Một thì (câu 63), Một vùng (37 câu)*, chẳng hạn các câu thơ số 9: *Một vùng cỏ áy bóng tà*, các câu 144, 261...

+ Nghĩa thứ năm: Có nghĩa như chỉ một; nghĩa này xuất hiện 47 lần trong 47 câu thơ, có ghi rõ số thứ tự từng câu trong Truyện Kiều. Ví dụ: *Một mình lặng ngắm bóng nga (câu 177)*; các câu 186, 217, 242, 328, 375,...

+ Nghĩa thứ sáu: Từ MỘT trùng điệp có nghĩa chỉ hai hiện tượng xảy ra đồng thời hay liên tiếp; ý này xuất hiện 6 lần ở các câu thơ số 561, 1122, 1805, ví dụ: *Ngại ngừng một*

bước một xa; hoặc chỉ tình hình càng thêm dần, ví dụ: *Một lời là một*; có khi trốn chữ một đầu, ví dụ: *Tin nhà ngày một vắng tin* (câu 1479), *Ruột tằm ngày một héo hơn* (câu 2833).

- Từ MỘT cũng là từ xuất hiện trong rất nhiều các cụm từ và thành ngữ trong Truyện Kiều. Tất cả các cụm từ và thành ngữ loại này đều được tập hợp vào trong nội dung của mục từ MỘT, đặt sau kí hiệu -//, in đậm. Cụ thể, trong mục từ MỘT, sau kí hiệu -// có đưa 16 cụm từ: *Một bề, Một chiều, Một chút, Một hai, Một hơi, Một lòng, Một mình, Một mực, Một niềm, Một tay, Một thác, Một thân, Một và, Một vài, Một vùng, Muôn một*; 6 thành ngữ: *Một cốt một đồng, Một dầy một mỏng, Một giọt mưa rào, Một hội một thuyền, Một tỉnh mười mê, Một vực một trời*; và 3 câu thơ *Một hai nghiêng nước nghiêng thành, Một ngày lạ thói sai nha, Một trời thu để riêng ai một người*. Tất cả các cụm từ và thành ngữ này đều được giải thích ý nghĩa, cho thấy số lần xuất hiện và số thứ tự các câu thơ có cụm từ, thành ngữ đó trong Truyện Kiều; chẳng hạn: // Một bề (1): Một chiều, một phía, một bên; có ý nghĩa không thể tự do lựa chọn được. Ví dụ: *Cớ sao chịu tốt một bề: 975;... Một cốt một đồng, 1162: Một bên là bà cốt, một bên là ông đồng*, đều là phường lừa bịp; *Một hội một thuyền, 202: Chỉ người cùng ở một hội, cùng đi một thuyền* (có câu chữ Hán: *Đồng châu cộng tế*), nên thương yêu giúp đỡ nhau,...

Với cách đưa các cụm từ và các thành ngữ có chứa từ đầu mục vào nội dung mục từ của từ đầu mục, kèm theo cách giải nghĩa và các thông tin giống như cách làm với từ đầu mục, có thể thấy cách sắp xếp của mục từ trong TĐTK là gắn với cách sắp xếp kép (multiple) trong Từ điển học, phân biệt với cách sắp xếp đơn (single).

Ngoài mục từ MỘT, rất nhiều các từ đầu mục khác cũng có các cụm từ và thành ngữ được đưa vào và giải thích trong mục từ đó. Chẳng hạn, mục từ ĂN có 7 cụm từ và 1 thành ngữ; mục từ BA có 17 cụm từ và 3 thành ngữ; mục từ ĐƯỜNG có 9 cụm từ và 4 thành ngữ; mục từ LÒNG có 24 cụm từ và 6 thành ngữ; mục từ TÌNH có 21 cụm từ và 4 thành ngữ;... Từ đó có thể thấy số lượng các từ ngữ được đưa vào giải nghĩa trong TĐTK lên đến hơn chục nghìn đơn vị, xuất phát từ 2321 đơn vị gốc. Để xác lập và giải thích được nghĩa của 2321 đơn vị gốc và khoảng hơn chục nghìn cụm từ và thành ngữ đó, đòi hỏi tác giả phải có một vốn hiểu biết rất sâu sắc về ngôn ngữ học, về từ điển học; có kiến thức uyên thâm về Hán học, văn học, lịch sử, văn hóa học,... có một sức làm việc bền bỉ, kiên trì, công phu. TĐTK cho thấy ở Đào Duy Anh đã hội tụ được đầy đủ những điều kiện như vậy.

Có thể thấy một đóng góp quan trọng nữa của TĐTK là các thống kê trong các mục từ còn có giá trị như thông tin

dẫn liệu (index) giúp người đọc truy tìm và tra cứu thuận tiện (theo chỉ dẫn từ số dòng thơ mà từ ngữ xuất hiện).

3. VỀ CUỐN TRUYỆN KIỀU ĐƯỢC ĐÀO DUY ANH SỬ DỤNG LÀM ĐỐI TƯỢNG ĐỂ BIÊN SOẠN TỪ ĐIỂN TRUYỆN KIỀU

Trước tình hình có nhiều bản Truyện Kiều chữ Nôm và chữ Quốc ngữ cùng được sử dụng trong xã hội (theo thống kê của Đào Duy Anh, có 13 bản), tác giả đã bỏ công tự soạn lại Truyện Kiều để dùng làm gốc biên soạn từ điển, như trong lời giới thiệu Từ điển Truyện Kiều, tác giả viết: "Bản tôi dùng làm gốc để biên soạn sách này là một bản chúng tôi tự soạn (in ở phần Phụ lục, cuốn sách này) sau khi đã đối chiếu những chỗ dị đồng của các bản nhận định nào là chính xác nhất. Đại khái chúng tôi căn cứ vào những bản xưa nhất là bản chữ nôm Liễu Văn Đường và bản quốc ngữ Trương Vĩnh Ký, mà cũng tham dụng các bản khác" [1]. Điều này cho thấy được rất rõ tính nghiêm cẩn, công phu của Đào Duy Anh trong việc xác định tác phẩm gốc cần nghiên cứu.

4. KẾT LUẬN

Từ những phân tích nêu trên, có thể thấy TĐTK của Đào Duy Anh đã tạo ra một cơ sở vững chắc cho việc hiểu và tìm hiểu về Truyện Kiều, một trong những tác phẩm văn học vĩ đại nhất của Việt Nam. Cuốn từ điển này không chỉ là một công trình tra cứu quý giá về Truyện Kiều mà còn là cuốn từ điển đầu tiên về loại hình từ điển ngôn ngữ tác giả, mở ra một hướng biên soạn mới về từ điển ở nước ta, với hai cuốn từ điển tiếp theo cũng rất công phu là *Từ điển truyện Lục Vân Tiên* [3] và *Nguyễn Trãi Quốc âm từ điển* [2] mà tác giả sẽ có dịp trình bày kĩ hơn ở một bài viết khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Đào Duy Anh, *Từ điển truyện Kiều*. NXB Văn hóa Thông tin, 2000.
- [2]. Trần Trọng Dương, *Nguyễn Trãi Quốc âm từ điển*. NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2014.
- [3]. Nguyễn Quảng Tuân, Nguyễn Khắc Thuần, *Từ điển truyện Lục Vân Tiên*. NXB tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 1987.
- [4]. Phạm Hùng Việt (chủ biên), *Lý luận, phương pháp luận Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam (một số vấn đề cơ bản)*. NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2011.
- [5]. R.R.K. Hartmann, Gregory James, *Dictionary of Lexicography*. Routledge London and New York, 2002.
- [6]. B. T. Sue Atkins, Michael Rundell, *The Oxford Guide to Practical Lexicography*. Oxford University Press, 2008.

AUTHOR INFORMATION

Pham Hung Viet

Vietnam Institute of Lexicography and Encyclopedia, Vietnam